

Vietnam Daily Review

Tiếp tục đà hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 29/6/2022	•		
Tuần 27/6-1/7/2022	•		
Tháng 6/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường hôm nay tăng điểm ngay từ đầu phiên, đóng cửa tăng hơn 15 điểm so với phiên hôm qua; thanh khoản dồi dào trở lại. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/19 ngành tăng điểm, trong đó mức tăng mạnh nhất thuộc về ngành Ngân hàng và Công nghệ thông tin. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Nếu VN-Index có thể vượt qua ngưỡng kháng cự 1250 trong những phiên tới thì khả năng sẽ quay về chinh phục gap 1260-1280.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Long các HĐTL trong phiên giao dịch tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 28/06/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 3): C47_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn:

- VN-Index 15.28 điểm, đóng cửa 1218.10 điểm. HNX-Index 3.45 điểm, đóng cửa 283.87 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: BID (+2.52), VCB (+1.67), CTG(+1.37), VPB (+1.26), TCB (+1.03).
- Kéo chỉ số giảm: NVL (-1.70), HPG (-0.57), DCM (-0.21), VIC (-0.19), VNM (-0.15).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 12.521 tỷ đồng, tăng 28.32% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 14.426 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 22.75 điểm. Thị trường có 326 mã tăng, 53 mã tham chiếu và 136 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 155.02 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm CTG (106.76 tỷ), MSN (63.72 tỷ), DPM (47.03 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 21.0 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX 1218.10

Giá trị: 12520.54 tỷ 15.28 (1.27%)

Khối ngoại (ròng): 155.02 tỷ

HNX-INDEX 283.87

Giá trị: 1313.18 tỷ 3.45 (1.23%)

Khối ngoại (ròng): 21 tỷ

UPCOM-INDEX 89.01

Giá trị: 0.75 tỷ 0.87 (0.99%)

Khối ngoại (ròng): -30.09 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	111.1	1.35%
Giá vàng	1,826	0.18%
Tỷ giá USD/VND	23,253	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	24,632	-0.06%
Tỷ giá JPY/VND	17,137	-0.14%
LS liên NH 1 tháng	2.2%	0.07%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	106.8	HPG	-118.5
MSN	63.7	VNM	-93.0
DPM	47.0	DGC	-64.3
VND	44.1	NVL	-53.6
GEX	38.4	MWG	-28.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Hiệu suất PTKT	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 28/06

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	109.57	1.81%	-0.55%	-6.54%	50.28%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	115.44	2.05%	1.15%	-1.84%	54.58%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	3.84	-0.91%	-0.13%	-4.85%	73.32%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1822.63	-0.19%	-0.85%	-1.81%	2.50%	PNJ	
Bạc	USD/ounce	21.15	0.19%	-1.99%	-3.63%	-18.95%	PNJ	
Đậu tương	UScent/bushel	1632.00	1.40%	-3.76%	-5.77%	20.27%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	904.50	-1.98%	-12.35%	-16.83%	40.02%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.33	0.00%	0.08%	-3.45%	41.45%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	260.00	-3.70%	-0.76%	4.42%	9.57%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	18.30	-0.38%	-1.93%	-5.67%	6.21%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	2.77	0.00%	3.75%	3.75%	4.14%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	226.00	-0.26%	-3.05%	-2.27%	39.29%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	3.78	0.51%	-5.49%	-12.85%	-11.66%	HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	4350.00	1.14%	-1.92%	-7.92%	-11.39%		
Nhôm	USD/ton	2494.00	1.55%	-1.31%	-13.66%	-1.49%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	116.50	-0.43%	-6.80%	-10.38%	-47.05%		HPG
Than đá	USD/ton	390.00	-1.76%	-0.70%	-2.74%	203.38%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô Brent tăng 1.97 USD hay 1.7% lên 115.09 USD/thùng, dầu WTI tăng 1.95 USD hay 1.8% lên 109.57 USD/thùng.
- Giá dầu tăng 2 USD/thùng trong phiên đầu tuần do khả năng nguồn cung thậm chí thắt chặt hơn, khi tổ chức G7 cam kết siết chặt sức ép với Tổng thống Nga Vladimir Putin.

Giá vàng

- Trong phiên giao dịch sáng ngày 28/6, giá vàng giao ngay ổn định ở 1,822.9 USD/ounce, theo kitco. Trong khi giá vàng giao tháng 8 giảm 0.05% xuống 1,823.8 USD.
- Giá vàng giảm trong phiên giao dịch ngày 27/6 vì lợi suất cao hơn gây áp lực lên kim loại quý, trong khi các nhà đầu tư chờ đợi thêm tín hiệu về chính sách tại diễn đàn của Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) ở Bồ Đào Nha.

Giá sắt thép

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đóng cửa tăng 4% lên 775 CNY (115.92 USD)/tấn, sau khi chạm mức 782.5 CNY, cao nhất kể từ ngày 20/6. Tại Singapore, giá quặng sắt kỳ hạn tháng 7 tăng 5.7% lên 120.6 USD/tấn, giá cao nhất kể từ ngày 20/6.
- Giá quặng sắt tại Đại Liên và Sigapore lên mức cao nhất một tuần, bởi hy vọng các nhà sản xuất thép Trung Quốc sẽ khởi động lại hàng chục lò cao đã dừng hoạt động do lợi nhuận giảm và nhu cầu yếu để bổ sung hàng tồn kho.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 12 trên sàn giao dịch Osaka đóng cửa tăng 3.7 JPY lên 259.0 (1.92 USD)/kg, sau khi đạt cao nhất kể từ ngày 13/6 tại 259.5 JPY trong phiên này.
- Giá cao su Nhật Bản chạm mức cao nhất trong hai tuần do thị trường chứng khoán Tokyo mạnh hỗ trợ tâm lý trong khi những hạn chế về Covid-19 được nới lỏng tại Trung Quốc làm tăng hy vọng đối với nhu cầu cao su mạnh hơn tại nước này.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7 đóng cửa giảm 0.07 US cent hay 0.4% xuống 18,30 US cent/lb, sau khi giảm xuống mức thấp nhất kể từ ngày 1/3 tại 18.2 US cent.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 đóng cửa giảm 1.15 US cent hay 0.5% xuống 2.221 USD/lb sau khi giảm xuống mức thấp nhất hai tuần tại 2.19 USD/lb.
- Đậu tương CBOT kỳ hạn tháng 7 đóng cửa tăng 19-3/4 US cent lên 16.30-1/2 USD/bushel và kỳ hạn tháng 12 của vụ mới tăng 8-1/2 US cent lên 14.32-3/4 USD/bushel.

Thị trường chứng khoán thế giới

	28/6	% 28/6	27/6	% 27/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1218.10	1.27%	1202.82	1.46%	3.89%	-5.24%
S&P 500			3900.11	-0.30%	6.13%	-1.05%
HĐTL S&P500	3922.00	0.47%	3903.75	-0.32%	4.09%	-1.44%
Shang-hai	3409.21	0.89%	3379.19	0.88%	3.10%	9.16%
Euro Stoxx	3568.15	0.83%	3538.88	0.16%	2.12%	-6.32%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Phân tích kỹ thuật
C47_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD cắt đường tín hiệu đi lên
- Chỉ báo RSI: Đường RSI từ vùng quá bán đi lên

Nhận định: C47 có một phiên tăng điểm tốt với mẫu hình nền Marubozu gần như hoàn hảo bao trùm toàn bộ cây nến giảm phiên trước đó. Thanh khoản của cổ phiếu cao hơn mức trung bình 20 phiên. Đường MACD cắt đường tín hiệu đi lên, chỉ RSI tạo phân kỳ tăng, đồng thời đi từ vùng quá bán đi lên, ủng hộ xu hướng hồi phục trở lại. Đường giá cổ phiếu nằm dưới MA(20) và MA(50), tuy nhiên đang có tín hiệu hồi và tiếp cận lại đường MA(20). Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 13.25, chốt lãi tại ngưỡng 16.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 12.4.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

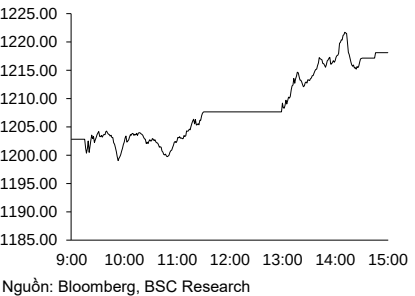
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ngân hàng	3.38%
Công nghệ Thông tin	3.15%
Bán lẻ	1.78%
Ô tô và phụ tùng	1.33%
Bảo hiểm	1.24%
Dầu khí	1.23%
Xây dựng và Vật liệu	0.96%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.95%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.81%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.69%
Y tế	0.43%
Viễn thông	0.35%
Dịch vụ tài chính	0.30%
Du lịch và Giải trí	0.23%
Thực phẩm và đồ uống	0.18%
Bất động sản	0.06%
Hóa chất	-0.13%
Tài nguyên Cơ bản	-1.15%
Truyền thông	-1.81%

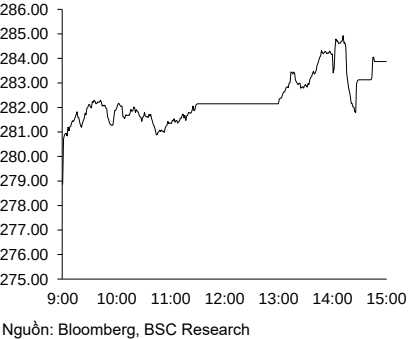
Hình 1

HSX-Index Intraday



Hình 2

HNX-Index Intraday



Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	20.8	1	6.94%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	52.9	5	-0.19%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:							(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

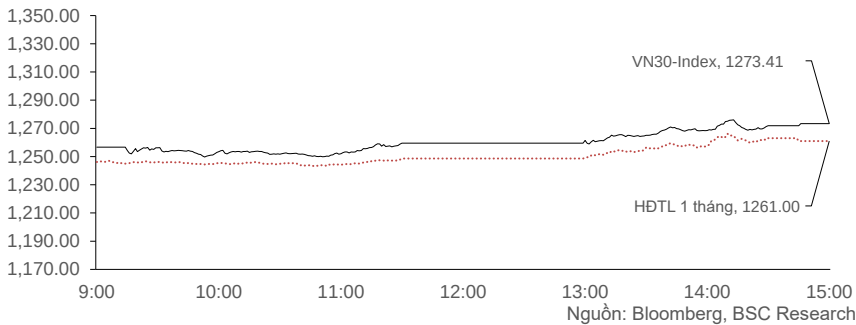
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
5/26/2022	DBC	25.3	30.2	22.5	SL	18	-11.07%
5/25/2022	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
5/18/2022	VCI	35	48	32.5	SL	28	-7.14%
5/4/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
5/3/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	1	1	6.94%	-0.19%	3.38%	3
Cổ phiếu đã chốt	248	219	7.16%	-7.57%	4.21%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2207	1261.00	1.05%	-12.41	17.9%	258,194	7/21/2022	25
VN30F2208	1255.50	0.79%	-17.91	-35.4%	401	8/18/2022	53
VN30F2209	1258.70	1.02%	-14.71	68.9%	125	9/15/2022	81
VN30F2212	1261.10	1.03%	-12.31	-22.6%	82	12/15/2022	172

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 16.74 điểm lên 1273.41 điểm. Các cổ phiếu như VPB, TCB, FPT, STB và HDB đã tác động đến nhịp vận động tích cực của VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Long các HDTL trong phiên giao dịch tới.
- Các HDTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, hầu hết các HĐ đều giảm, chỉ riêng HĐ VN30F2209 tăng so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở, các HĐ đều giảm so với phiên trước đó. VN30 tăng điểm tích cực trong phiên hôm nay với thanh khoản trên mức trung bình 20 phiên cho thấy đà hồi phục mạnh mẽ.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2108	7/6/2022	8	4.95:1	21,900	33.10%	3,280	960	35.21%	558	1.72	90,662	106,835	89,700
CFPT2203	8/1/2022	34	3.3:1	934,000	33.10%	3,800	4,000	17.30%	3,623	1.10	86,866	95,000	89,700
CFPT2201	9/20/2022	84	6.6:1	481,900	33.10%	2,100	1,530	15.04%	1,099	1.39	88,884	106,000	89,700
CMBB2206	10/3/2022	97	10:1	502,100	35.66%	1,000	550	14.58%	343	1.60	101,222	22,222	24,700
CSTB2211	12/27/2022	182	8:1	688,400	46.48%	1,000	610	8.93%	354	1.73	31,173	23,333	22,550
CMSN2204	11/7/2022	132	10:1	258,200	42.53%	1,900	1,560	7.59%	1,137	1.37	139,600	116,500	114,000
CMWG2203	9/26/2022	90	3.47:1	27,500	33.78%	1,990	1,690	5.62%	1,414	1.20	75,202	148,000	72,800
CMWG2202	8/1/2022	34	2.98:1	831,200	33.78%	4,000	1,320	5.60%	1,181	1.12	73,540	145,000	72,800
CPNJ2203	10/3/2022	97	24.8:1	35,300	40.87%	1,300	1,370	5.38%	1,128	1.21	126,542	109,999	129,500
CSTB2213	1/3/2023	189	8:1	219,400	46.48%	1,000	620	5.08%	308	2.01	35,324	24,444	22,550
CVPB2204	11/15/2022	140	16:1	200	37.81%	1,000	630	5.00%	165	3.82	30,888	30,888	30,000
CMWG2204	10/7/2022	101	4.97:1	269,100	33.78%	3,000	1,530	4.79%	1,207	1.27	77,249	45,000	72,800
CMBB2207	1/3/2023	189	10:1	25,700	35.66%	1,000	660	4.76%	343	1.92	32,656	23,456	24,700
CVRE2209	12/27/2022	182	8:1	40,600	38.72%	1,000	660	3.13%	323	2.04	30,888	30,888	28,850
CMWG2201	9/20/2022	84	4.97:1	134,900	33.78%	2,600	2,180	2.83%	1,721	1.27	68,352	134,500	72,800
CVNM2204	10/7/2022	101	10:1	464,400	25.92%	1,500	690	1.47%	331	2.08	81,600	73,000	70,800
CPNJ2202	10/3/2022	97	24.8:1	225,000	40.87%	1,200	1,400	0.72%	1,303	1.07	130,482	99,999	129,500
CVJC2203	12/27/2022	182	20:1	15,500	28.27%	1,400	1,230	-0.81%	650	1.89	145,731	131,131	133,000
CMSN2205	12/27/2022	182	20:1	4,300	42.53%	1,200	980	-5.77%	739	1.33	135,179	113,979	114,000
CVPB2203	7/15/2022	17	16:1	56,400	37.81%	1,000	300	-6.25%	105	2.85	28,888	28,888	30,000
Tổng				5,214,100	36.84%**								
Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất							CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%							Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
	**Trung bình độ lệch chuẩn							*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 28/06/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CHDB2205 và CSTB2206 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 100.00% và 100.00%. Giá trị giao dịch tăng 22.73%, CHDB2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 17.36% thị trường.
- CACB2102, CVPB2201, CSTB2214 và CPNJ2203 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPDR2204, CHDB2201, CSTB2211 và CMBB2207 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CFPT2203 và CPNJ2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	72.8	1.8%	0.7	4,633	12.9	3,515	20.7	4.8	48.8%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	129.5	0.0%	0.7	1,365	3.1	5,443	23.8	3.9	49.0%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	56.3	2.2%	1.3	1,817	4.8	2,529	22.3	1.9	26.5%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	48.8	0.0%	0.6	497	0.1	3,644	13.4	1.5	58.5%	11.1%
VIC	Bất động sản	73.6	-0.3%	0.5	12,205	7.1	(578) #N/A	N/A	2.7	12.3%	-2.4%
VRE	Bất động sản	28.9	0.3%	1.1	2,850	1.7	401	72.0	2.1	31.1%	3.0%
VHM	Bất động sản	63.8	0.5%	0.8	12,079	4.0	8,786	7.3	2.1	23.4%	34.5%
DXG	Bất động sản	21.3	1.2%	1.5	561	5.7	1,503	14.1	1.4	31.2%	11.3%
SSI	Chứng khoán	19.6	-1.3%	1.7	1,270	11.3	2,841	6.9	1.4	34.4%	22.6%
VCI	Chứng khoán	35.0	-2.8%	1.0	510	4.8	4,884	7.2	1.6	18.6%	26.9%
HCM	Chứng khoán	21.3	0.0%	1.6	422	4.4	2,619	8.1	1.3	42.9%	17.9%
FPT	Công nghệ	89.7	3.7%	0.9	4,278	8.9	4,293	20.9	5.1	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	68.0	-0.4%	0.4	971	0.0	4,926	13.8	3.7	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	116.0	1.4%	1.0	9,653	4.1	5,109	22.7	4.1	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	41.8	0.7%	1.5	2,309	1.0	1,950	21.4	2.1	17.3%	9.9%
PVS	Dầu khí	25.4	3.3%	1.6	528	9.1	1,408	18.0	1.0	8.9%	5.5%
BSR	Dầu khí	29.8	3.8%	0.8	4,017	16.0	2,108	14.1	2.5	41.1%	19.1%
DHG	Dược	88.2	0.1%	0.3	501	0.0	6,105	14.4	3.2	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	48.9	-0.5%	1.2	832	11.9	12,920	3.8	1.6	16.6%	50.2%
DCM	Hóa chất	31.9	-4.9%	1.2	733	13.3	5,643	5.6	1.9	10.3%	38.9%
VCB	Ngân hàng	76.3	1.9%	0.8	15,700	3.6	4,855	15.7	3.1	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	33.7	6.0%	1.2	7,401	3.5	2,266	14.8	2.0	16.9%	13.8%
CTG	Ngân hàng	26.7	4.3%	1.5	5,579	10.1	2,558	10.4	1.3	26.3%	13.0%
VPB	Ngân hàng	30.0	3.8%	1.2	5,798	15.7	3,874	7.7	1.5	17.4%	24.0%
MBB	Ngân hàng	24.7	2.5%	1.3	4,058	13.1	3,623	6.8	1.5	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	24.5	2.3%	1.1	3,598	3.1	3,081	8.0	1.7	37.5%	24.2%
BMP	Nhựa	55.0	-0.9%	0.7	196	0.0	3,150	17.5	1.9	85.6%	10.7%
NTP	Nhựa	36.9	-2.9%	0.6	189	0.1	3,990	9.2	1.5	17.8%	16.9%
MSR	Tài nguyên	19.0	0.0%	1.5	908	0.1	178	106.7	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	22.5	-1.7%	1.1	5,688	17.4	5,726	3.9	1.3	20.7%	40.4%
HSG	Thép	16.8	-1.5%	1.6	359	3.4	7,157	2.3	0.7	7.4%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	70.8	-0.4%	0.6	6,433	9.4	4,390	16.1	4.6	54.4%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	157.1	0.2%	0.8	4,380	0.5	5,969	26.3	4.7	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	114.0	0.9%	1.0	7,057	5.9	7,041	16.2	5.9	28.7%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	16.4	1.2%	1.6	449	3.1	1,144	14.3	1.2	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	80.0	0.0%	0.8	7,572	0.5	363	220.5	4.6	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	133.0	0.0%	1.1	3,132	3.6	361	368.0	4.2	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	16.5	1.2%	1.7	1,589	1.1	(5,210) #N/A	N/A #N/A	N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	52.9	0.8%	0.9	693	6.3	2,256	23.5	2.4	45.4%	10.8%
PVT	Vận tải	21.0	4.2%	1.4	296	2.6	2,088	10.1	1.3	12.5%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	75.1	-1.1%	0.9	522	0.3	10,540	7.1	2.3	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	53.5	0.0%	0.7	1,043	2.8	3,677	14.6	3.1	5.5%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.9	-0.3%	1.2	263	0.4	783	20.2	1.2	1.9%	5.6%
CTD	Xây dựng	55.0	2.0%	1.3	177	1.0	(27) #N/A	N/A	0.5	48.3%	0.0%
CII	Xây dựng	17.3	0.6%	1.4	190	2.5	1,266	13.7	0.8	10.1%	6.1%
REE	Điện	87.6	1.9%	-1.4	1,354	6.6	5,994	14.6	2.3	49.0%	16.7%
PC1	Điện	38.6	-0.5%	-0.4	395	4.2	3,238	11.9	1.9	4.8%	16.9%
POW	Điện	13.9	0.4%	0.6	1,415	11.1	859	16.2	1.1	2.2%	6.9%
NT2	Điện	24.8	-1.2%	0.7	310	2.8	1,933	12.8	1.6	13.5%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	32.5	1.4%	1.5	1,083	3.9	866	37.5	1.7	19.0%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	63.0	1%	0.9	2,835	0.3	1,190	52.9	3.9	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	33.65	5.98	2.52	2.41MLN
VCB	76.30	1.87	1.74	1.10MLN
CTG	26.70	4.30	1.39	8.84MLN
VPB	30.00	3.81	1.30	12.18MLN
TCB	36.70	3.23	1.06	5.34MLN

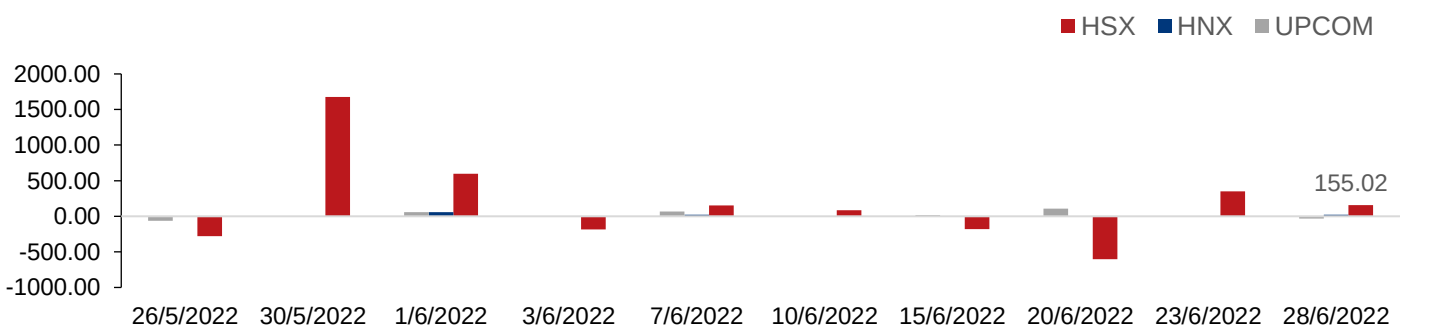
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
NVL	0.00	-1.89	4.12MLN	1.11MLN
HPG	0.00	-0.47	17.84MLN	607060
DCM	0.00	-0.23	9.40MLN	373600
VIC	0.00	-0.20	2.23MLN	192700
VNM	0.00	-0.16	3.04MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVT	13.00	7.00	0.02	23600.00
FIT	6.74	6.98	0.03	1.46MLN
DQC	23.75	6.98	0.01	353900
LDG	8.74	6.98	0.04	4.54MLN
TGG	6.00	6.95	0.00	1.04MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ITA	7.72	-6.99	-0.14	4.10MLN
BBC	93.40	-6.97	-0.03	900
ANV	53.50	-6.96	-0.13	3.72MLN
GMC	20.90	-6.70	-0.01	1500
THI	23.75	-5.75	-0.02	5800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	64.0	3,434	18.6	5.2	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	129.5	5,443	23.8	3.9	Click
3	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.1	1,701	8.3	0.6	Click
4	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	24.8	1,933	12.8	1.6	Click
5	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	76.1	10,029	7.6	1.5	Click
6	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	94.0	4,874	19.3	6.1	Click
7	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	38.6	3,238	11.9	1.9	Click
8	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	13.5	-129	#N/A N/A	0.7	Click
9	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	89.7	4,293	20.9	5.1	Click
10	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	28.1	2,466	11.4	1.8	Click
11	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	18.2	9,632	1.9	0.8	Click
12	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.9	859	16.2	1.1	Click
13	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	129.5	5,443	23.8	3.9	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	72.8	3,515	20.7	4.8	Click
15	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	21.0	2,088	10.1	1.3	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	118.7	8,710	13.6	6.0	Click
17	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	22.5	5,726	3.9	1.3	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	32.5	866	37.5	1.7	Click
19	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	22.8	5,084	4.5	1.5	Click
20	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	21.3	1,503	14.1	1.4	Click
21	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	120.8	8,596	14.1	5.4	Click
22	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	53.5	2,136	25.1	2.7	Click
23	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	31.5	2,701	11.7	2.2	Click
24	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	92.0	8,331	11.0	2.6	Click
25	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	30.4	1,941	15.7	1.4	Click
26	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	48.8	3,644	13.4	1.5	Click
27	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	25.4	1,408	18.0	1.0	Click
28	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	116.0	5,109	22.7	4.1	Click
29	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	19.8	3,141	6.3	1.3	Click
30	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	55.0	-27	#N/A N/A	0.5	Click
31	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	14.1	1,701	8.3	0.6	Click
32	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	9.9	1,350	7.3	0.4	Click
33	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	9.9	1,350	7.3	0.4	Click
34	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	11.0	2,433	4.5	0.9	Click
35	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	129.5	5,443	23.8	3.9	Click
36	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	129.5	5,443	23.8	3.9	Click
37	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	72.8	3,515	20.7	4.8	Click
38	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	46.5	2,762	16.8	3.3	Click
39	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	36.8	1,900	19.4	1.6	Click
40	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	29.8	2,108	14.1	2.5	Click
41	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	16.6	1,034	16.0	1.0	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	92.0	8,331	11.0	2.6	Click
43	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	44.5	2,916	15.3	2.4	Click
44	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	12.0	689	17.4	0.9	Click
45	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	20.8	1,956	10.6	1.1	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.0	3661.8	12.0	1.8	Click
47	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	24.8	1,933	12.8	1.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
5	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
6	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
7	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
10	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
13	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
14	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
15	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
16	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
19	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
22	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
25	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
28	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
29	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
31	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
33	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
35	Banking Sector Outlook		x	Click
36	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
38	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
39	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
40	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
41	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
43	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
44	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639